TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Nguyễn Thị Mai
+ Ông Nguyễn Văn Chiến
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q- sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt.
Bị đơn: Ông Chu Bùi H- sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
Người đại diện hợp pháp và đại diện theo ủy quyền của ông Chu Bùi H là bà Chu Thị C- sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội (Chị gái của ông H). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày: Năm 2002, bà và ông Chu Bùi H kết hôn do hai bên tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng. Tổ chức cưới ngày 20/02/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 07/02/2002.

Quá trình chung sống, bà và ông H không được hạnh phúc. Sau cưới được vài năm thì ông H thường xuyên uống rượu về gây sự chửi và đánh bà. Nhiều lần bà phải bỏ về nhà mẹ đẻ sống, sau đó ông H xin lỗi nên bà lại về đoàn tụ để nuôi con nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra.

Năm 2014 bà đi lao động ở nước ngoài đến năm 2017 thì về nước. Trong thời gian bà ở nước ngoài mỗi khi bà gọi điện về thì ông H lại chửi bà và cho rằng bà có quan hệ ngoại tình với người khác ở nước ngoài. Khi bà ở nước ngoài về nhà thì ông H chửi và đánh bà nên bà phải chuyển về nhà ngoại sống từ năm 2017 đến nay.

Sau khi bà chuyển về nhà ngoại sống thì ông H thường xuyên uống rượu say và đi xe máy bị tai nạn nhiều lần ảnh hưởng thần kinh nên được gia đình đưa đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần Trung ương ở huyện Thường Tín, sau đó chuyển lên điều trị tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội ở huyện Ba Vì.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có bốn con chung là Chu Thị L- sinh ngày 29/10/2002, Chu Bùi S- sinh ngày 01/02/2006, Chu Bùi Th- sinh ngày 19/02/2008, Chu Thu Đ- sinh ngày 23/10/2012. Cháu L đã kết hôn năm 2020, còn cháu S, cháu Th và cháu Đ đang do bà nuôi dưỡng. Nguyện vọng của bà xin được nuôi cháu S, cháu Th và cháu Đ. Hiện nay ông H đang chữa bệnh tại Ba Vì nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, do vậy bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà làm nghề dệt may, thu nhập mỗi tháng 9.000.000 đồng, đủ để nuôi các con.

Về tài sản và công nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 31/3/2021, ông Chu Bùi H trình bày: Vợ ông là bà Nguyễn Thị Q- sinh năm 1983 người cùng quê. Ông và bà Q kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Q có quan hệ ngoại tình, bỏ bê con cái dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Bà Q bỏ đi Malaisia năm 2014 và quan hệ với người khác, sau khi về nước mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hơn. Ông và bà Q đã sống ly thân được hơn 05 năm rồi. Nay bà Q xin ly hôn, ông cũng thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa nên đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông và bà Q có bốn con chung là Chu Thị L- sinh năm 2002 đã đi lấy chồng, Chu Bùi S- sinh năm 2006, Chu Bùi Th- sinh năm 2008, Chu Thu Đ- sinh năm 2012.

Hiện nay ông đang đi điều trị bệnh tại Trung tâm nên không có điều kiện chăm sóc các con. Ông đề nghị giao ba cháu Chu Bùi S, Chu Bùi Th, Chu Thu Đ cho bà Q nuôi dưỡng. Ông không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản, công nợ: Ông và bà Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông đang điều trị bệnh tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội nên không thể về Tòa án để giải quyết vụ án được, ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông. Ông ủy quyền cho bà Chu Thị C là chị gái ông thay mặt ông để tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án.

Tại văn bản ngày 29/4/2021, bà Chu Thị C là người đại diện hợp pháp và nhận ủy quyền của ông Chu Bùi H trình bày: Bà là chị gái của ông Chu Bùi H, bố mẹ của bà và ông H đều đã chết. Hiện nay Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Chu Bùi H. Do ông H bị bệnh đang điều trị tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội, quá trình Tòa án làm việc thì ông H có ý kiến ủy quyền cho bà tham gia giải quyết vụ án, quan điểm của bà như sau:

Quá trình chung sống do bà Q bỏ chồng đi theo người đàn ông khác đã 05 năm rồi, tình cảm vợ chồng không còn nên chị em bà thống nhất đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Q và ông H được ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà Q có bốn con chung như ông H bà Q trình bày là đúng. Hiện nay cháu L đã đi lấy chồng, đề nghị Tòa án giao ba cháu S, Th, Đ cho bà Q nuôi dưỡng.

Về tài sản: Quá trình bà Q chung sống với ông H thì không có tài sản chung gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà và ông H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Chu Bùi H.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Chu Bùi S, Chu Bùi Th, Chu Thu Đ cho bà Q nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công nợ: Không có nên Tòa án không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Ông Chu Bùi H có hộ khẩu thường trú tại xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Hồ sơ bệnh án của ông Chu Bùi H do Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội cung cấp thể hiện: ông Chu Bùi H bị rối loạn tâm thần cấp và nhất thời. Tòa án đã liên hệ với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội để về gặp bà Chu Thị C chị gái của ông H giải thích quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông H, hướng dẫn làm thủ tục nhưng bà C từ chối trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông H.

Bị đơn, người đại diện hợp pháp đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2]- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Chu Bùi H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 07 tháng 02 năm 2002. Quá trình chung sống do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân hơn 05 năm rồi. Bà Q có đơn xin ly hôn, ông H cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy bà Q xin ly hôn ông H là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Q và ông H có 04 con chung là: chị Chu Thị L- sinh ngày 29/10/2002, Chu Bùi S- sinh ngày 01/02/2006, Chu Bùi Th- sinh ngày 19/02/2008, Chu Thu Đ- sinh ngày 23/10/2012.

Chị L đã kết hôn năm 2020, bà Q xin được nuôi cháu S, cháu Th và cháu Đ. Bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Ông H hiện đang điều trị bệnh tại Trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần Hà Nội không có điều kiện nuôi con. Do vậy, nguyện vọng nuôi con của bà Q là chính đáng, bảo đảm được quyền lợi của các cháu S, Th, Đ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với chị Chu Thị L đã trưởng thành và kết hôn có cuộc sống riêng nên Tòa án không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Q không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H đến khi có quyết định thay đổi khác. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]- Về tài sản, công nợ chung: Bà Q và ông H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu

300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Chu Bùi H.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con chung là cháu Chu Bùi S- sinh ngày 01/02/2006, cháu Chu Bùi Th- sinh ngày 19/02/2008, cháu Chu Thu Đ- sinh ngày 23/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Chu Bùi H đến khi có quyết định thay đổi khác. Ông Chu Bùi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 0011977 ngày 25/3/2021.

5. Về quyền kháng: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn